

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT
V/v công khai công tác quyết toán dự án
hoàn thành năm 2019

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị chủ đầu tư.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 4100/BTC-ĐT, ngày 07/04/2020 về việc công khai tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2019, UBND tỉnh công khai công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2019 (tính đến ngày 31/12/2019) và chỉ đạo công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2019 (tính đến ngày 31/12/2019)

1. Về số liệu dự án quyết toán hoàn thành

STT	Đơn vị	Dự án hoàn thành	Dự án đã phê duyệt	Dự án chưa phê duyệt quyết toán	
				Đã nộp hồ sơ QT nhưng chưa phê duyệt	Chưa nộp hồ sơ quyết toán
1	Tỉnh phê duyệt (Sở TC, UBND tỉnh)	476	472	4	
2	UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt	1.468	1.376	36	56
Tổng cộng		1.944	1.848	96	

Tổng hợp số liệu báo cáo tỉnh, huyện, thị xã, thành phố cho thấy trong năm 2019 toàn tỉnh đã hoàn thành 1.944 dự án, với giá trị tổng mức đầu tư (TMĐT) được duyệt là 3.476.468,11 triệu đồng; trong đó đã phê duyệt quyết toán là 1.848 dự án (chiếm 95,06% số dự án hoàn thành) với giá trị TMĐT được duyệt là 3.258.499,10 triệu đồng, giá trị đề nghị quyết toán là: 3.003.339,38 triệu đồng và giá trị quyết toán được phê duyệt là 2.966.837,15 triệu đồng. Số chưa phê duyệt quyết toán là 96 dự án (chiếm 4,94% số dự án hoàn thành) với TMĐT là 217.969,01 triệu đồng, trong đó 4 dự án thuộc tỉnh chưa phê duyệt chiếm

0,84% số dự án hoàn thành; 92 dự án thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa phê duyệt chiếm 6,2% số dự án hoàn thành, cụ thể:

Đơn vị	Số dự án			Các dự án đã phê duyệt (Triệu đồng)		
	Đã hoàn thành	Gồm		Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Tỷ lệ
		Đã phê duyệt	Chưa phê duyệt			
1	2=3+4	3	4	5	6	7=6/5
Tổng cộng	1.944	1.848	96	3.258.499,10	2.966.837,15	91,05%
Tỉnh phê duyệt (Sở TC, UBND tỉnh)	476	472	4	1.710.860,31	1.538.628,95	89,93%
UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt	1.468	1.376	92	1.547.638,78	1.428.208,20	92,28%

2. Về số liệu giảm trừ giá trị quyết toán

Thông qua công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán của UBND tỉnh, Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giảm trừ giá trị đề nghị quyết toán là 36.502,23 triệu đồng, chiếm 1,22% tổng giá trị đề nghị quyết toán; cụ thể:

Đơn vị	Giá trị (triệu đồng)			
	Đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Giá trị giảm trừ quyết toán	Tỷ lệ giảm trừ
1	2	3	4	5=4/2
Tổng cộng	3.003.339,38	2.966.837,15	36.502,23	1,22%
Tỉnh phê duyệt (Sở TC, UBND tỉnh)	1.555.557,97	1.538.628,95	16.929,01	1,09%
UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt	1.447.781,41	1.428.208,20	19.573,21	1,35%

3. Về số dự án hoàn thành đã nộp báo cáo quyết toán, chưa phê duyệt quyết toán

Số dự án hoàn thành đã nộp báo cáo quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán là 40 dự án, với giá trị tổng mức đầu tư là 92.762,92 triệu

đồng; trong đó các dự án đều nằm trong thời hạn (thời gian) phê duyệt quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quyết toán dự án hoàn thành, cụ thể:

Đơn vị	Dự án HT đã nộp hồ sơ QT nhưng chưa phê duyệt QT	Giá trị TMDT được duyệt (triệu đồng)	Giá trị đề nghị quyết toán (triệu đồng)
Tổng số	40	92.762,92	92.077,82
- Trong thời hạn phê duyệt	40	92.762,92	92.077,82
+ Tỉnh	4	21.158,10	21.158,10
+ Huyện, thị xã, thành phố	36	71.604,82	70.919,72
- Tỷ lệ chậm phê duyệt quyết toán	0%		

4. Số dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán

Số dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán là 56 dự án với TMDT là 125.206,09 triệu đồng, tập trung tại 3 đơn vị là Thành phố Buôn Ma Thuột 20 dự án; huyện Krông Ana 32 dự án; huyện Krông Bông 4 dự án. Trong số này, có 51 dự án đang trong thời hạn lập hồ sơ quyết toán và 5 dự án (chiếm 8,93%) vi phạm thời gian chậm nộp báo cáo quyết toán, cụ thể:

Đơn vị	Dự án hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán			Giá trị (Triệu đồng)		
	Tổng số	Quá thời hạn	Tỷ lệ (%)	Tổng mức đầu tư	Giá trị đã thanh toán	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4=3/2	5	6	7
Tổng cộng	56	5	8,93%	125.206,09	113.129,79	90,35%
Thành phố Buôn Ma Thuột	20	5	33,33%	97.275,00	87.402,00	89,85%
Huyện Krông Bông	4			11.493,91	10.458,32	90,99%
Huyện Krông Ana	32			16.437,18	15.269,47	92,90%

5. Về số lượng dự án vi phạm

Trong 5 dự án vi phạm thời gian chậm nộp báo cáo quyết toán (chiếm 0,26% dự án hoàn thành) theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày

30/7/2018 và chủ yếu tập trung tại Thành phố Buôn Ma Thuột và thời gian chậm nộp báo cáo quyết toán là dưới 24 tháng.

Như vậy, vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành là do các Chủ đầu tư chậm nộp hồ sơ quyết toán tới cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chỉ tập trung tại Thành phố Buôn Ma Thuột.

II. Nhận xét đánh giá

1. Về chấp hành thời gian báo cáo

Mặc dù đã có cố gắng trong công tác quyết toán, song việc chấp hành quy định về thời gian báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chưa đúng quy định; điển hình các huyện, thành phố: Krông Năng, Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Về chất lượng báo cáo

Trên thực tế báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị năm 2019 vẫn còn một số tồn tại:

- Mẫu báo cáo của một số đơn vị chưa đúng quy định.
- Các báo cáo chỉ có số liệu tổng hợp, chưa có các đánh giá, nhận xét về nguyên nhân chậm, muộn; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất kiến nghị trong công tác quyết toán dự án hoàn thành cũng như công tác tổng hợp báo cáo của đơn vị.

Điển hình tại các đơn vị: Thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Bông, huyện Cư Kuin, huyện Krông Ana.

3. Về tình hình quyết toán

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Nă m	Tổng số dự án				Dự án đã phê duyệt QT				
		Dự án hoà n thàn h	Đã phê duyet		Đ ã nộp ch ưa ph ê du yệt	TMDT	Tổng giá trị đề nghị QT	Tổng giá trị QT được duyet	Giá trị giảm trừ	Tỷ lệ giả m trừ
			Số lượn g	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5		6=7+8	7	8		
1	2018	1.841	1.797	97.61%	44	4.163.678,56	2.192.736,71	2.160.108,57	32.628,14	1,49%
2	2019	1.944	1.848	95.06%	40	3.476.468,11	3.003.339,38	2.966.837,15	36.502,23	1,22%

So với năm 2018, số dự án hoàn thành năm 2019 cao hơn 103 dự án; dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán cao hơn 51 dự án.

Về số dự án vi phạm thời gian chậm nộp báo cáo quyết toán có ít hơn so năm 2018 (bằng 62,5%); không có dự án vi phạm thời gian chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng (năm 2014 có 4 dự án vi phạm thời gian chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng tại thị xã Buôn Hồ).

III. Về công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2020

Từ tình hình tổng hợp kết quả công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2019 nêu trên và để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quyết toán dự án hoàn thành, UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Các sở, ban ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị chủ đầu tư :

- Thực hiện nghiêm túc Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (thời gian, biểu mẫu, chất lượng báo cáo...).

- Xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm tập thể, cá nhân không thực hiện đúng quy định về quyết toán dự án hoàn thành (chậm lập, chậm nộp báo cáo quyết toán và chậm thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán).

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính-Kế hoạch chủ động trong việc báo cáo kết quả phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, có phân tích đánh giá nhận xét về nguyên nhân chậm nộp, phê duyệt; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất kiến nghị trong công tác quyết toán dự án hoàn thành cũng như công tác tổng hợp báo cáo. Việc xử lý hành vi vi phạm hành chính trong công tác quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 5553/UBND-CN ngày 18/7/2017 về phối hợp xử lý đối với hành vi quyết toán công trình chậm.

Về thời gian gửi báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành của các huyện, thị xã, thành phố về Sở Tài chính: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15 tháng 7 hàng năm; báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh theo đúng quy định.

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Ch 16b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

